

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HS-ST

Ngày 11/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn

2. Ông Nguyễn Văn Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn V, sinh ngày 20/5/1985 tại Q, Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Văn T, đã chết và bà: Lưu Thị M, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 19/8/2020 đến ngày 22/8/2020 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Quỳnh Phụ.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

2. Vũ Văn L, sinh ngày 19/9/1991 tại Q, Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn V, sinh năm 1964 và bà: Lê Thị Y, sinh năm 1969; vợ: Trịnh Thị H, sinh năm 1992; có 01 con: Sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt Vũ Văn L

01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” về hành vi phạm tội xảy ra ngày 26/4/2020 trên địa bàn huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (bản án đã có hiệu lực pháp luật); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/8/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Quỳnh Phụ.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Văn T, sinh ngày 10/6/1991 tại Q, Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn D, sinh năm 1958 và bà: Bùi Thị G, sinh năm 1967; vợ: Vũ Thị Ng, sinh năm 1990; có 01 con: Sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1984

Trú tại thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- **Những người làm chứng:**

1. Chị Vũ Thị Ng, sinh năm 1990

Trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1970

Trú tại: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989

Trú tại: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị Ng, anh M, anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn L, Lưu Văn V có quan hệ bạn bè và cùng nghiện chất ma túy. Khoảng 12 giờ ngày 28/3/2020, khi L đang ở nhà thì nhận được điện thoại của V nói “Anh em mình đi kiếm đồ chơi”. Hiểu ý của V rủ đi trộm cắp tài sản nên L đồng ý và hẹn đón V tại Nhà nghỉ 2XX, thị trấn Q, huyện Q. Sau đó, L mang theo 01 cò lê 8 và 01 văm bằng kim loại (một đầu tày, một đầu hình lục giác) giấu vào túi quần phía trước bên phải rồi điều khiển xe mô tô Dream màu nâu, không rõ biển kiểm soát, từ nhà đến Nhà nghỉ 2XX chở V đi lang thang qua một số xã của huyện Quỳnh Phụ rồi sang huyện Hưng Hà, sau đó, theo đường đê sông Luộc về xã Q, huyện Q để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực đường đê gần đền Vua Ông thuộc thôn B, xã Q, cả hai phát hiện thấy chị Lê Thị H đang dựng chiếc xe mô tô Honda Wave Anpha màu sơn đỏ đen biển kiểm soát 17K9-52XX ở mé đường rồi đi bộ xuống ruộng. L liền điều khiển xe quay lại áp sát xe chị H và nói với V “Đề em lấy con xe này”. V đồng ý và ngồi trên xe cạnh giới. L xuống xe, dùng chiếc văm phá khóa mang theo tra đầu tày vào ổ khóa điện của xe rồi dùng đầu cò lê 8 tra vào đầu lục giác của văm, vặn

mạnh theo chiều quay kim đồng hồ thì đèn mo bật sáng. Tiếp đó, L cho còi lên và chiếc van vào túi quần bên phải phía trước rồi nổ máy điều khiển xe theo đường đi về hướng cầu Hiệp, xã Q, còn V điều khiển xe mô tô Dream đi theo sau. Trên đường đi, L điện thoại cho anh Nguyễn Quang M trú tại thôn B, xã Q chào bán chiếc xe vừa trộm cắp được nhưng không nói rõ nguồn gốc chiếc xe cho Anh M biết. Anh M đồng ý mua và hẹn L đem xe đến nhà. L điều khiển xe qua xã Q đến khu vực nghĩa trang thuộc thôn B, xã Q thì dừng lại, dùng tay tháo gương trái và dùng còi lên tháo biển kiểm soát của chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được ném xuống ruộng nước cạnh đường rồi tiếp tục điều khiển xe đến quán nhà Anh M, dựng xe trước cửa quán thì thấy chị H đang điều khiển xe đạp điện đi qua. L sợ bị chị H phát hiện nên điều khiển xe bỏ chạy. Chị H đuổi theo hô “Cướp, cướp” nhưng không đuổi kịp. Bỏ chạy được khoảng 01 km thì L điện thoại cho V hẹn gặp V ở dốc Phú, xã Q rồi rủ nhau mang chiếc xe trộm cắp được đến bán cho Lê Văn T trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Q. Đến nơi, cả hai chỉ gặp vợ T là chị Vũ Thị Ng nên phải đợi T khoảng 05 phút sau T về. V hỏi T “*Bạn xem hộ con xe này được bao nhiêu*”. Quan sát thấy xe không đeo biển kiểm soát, ổ khóa xe bị phá, T hỏi “Xe có giấy tờ không”. V trả lời “Không”. T nói “Xe này chỉ bán giá sắt vụn”. Mặc dù biết chiếc xe trên là tài sản do trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý mua và trả giá là 2.000.000 đồng. L và V đều đồng ý. T đưa cho V 2.000.000 đồng. V cầm tiền rồi L điều khiển xe của L chở V đến Nhà nghỉ 2XX. Trên đường đi, V chia cho L 1.000.000 đồng tiền bán xe rồi cả hai chi tiêu cá nhân hết.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chị H về quê. Đến ngày 04/8/2020, chị H có đơn trình báo Công an huyện Quỳnh Phụ đề nghị giải quyết.

Căn cứ tài liệu xác minh, cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập được Vũ Văn L và Lê Văn T lên làm việc. Đối với Lưu Văn V, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ đi khỏi địa phương đến ngày 19/8/2020 ra đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn L, Lưu Văn V và Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ kết luận: *Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu đỏ đen biển kiểm soát 17K9-52XX là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).*

Cáo trạng số 100/CT-VKSQP ngày 09/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Vũ Văn L, Lưu Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Lê Văn T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn L, Lưu Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Văn V mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù;

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn L mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 01 năm 03 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, buộc bị cáo Vũ Văn L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù;

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo V, L, T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (bút lục số: 145-167; 168-202; 203-222); phù hợp với đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Lê Thị H (bút lục số: 01; 223-226); biên bản ghi lời khai của những người làm chứng là chị Vũ Thị Ng, anh Nguyễn Quang M, và anh Nguyễn Văn Q (bút lục số: 227-234). Ngoài ra

hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản nhận dạng; biên bản khám xét; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 16 giờ 40 phút ngày 04/8/2020, 09 giờ 10 phút ngày 05/8/2020, 09 giờ ngày 07/8/2020 và 09 giờ ngày 19/8/2020 (bút lục số: 53-54; 67-68; 235-240); biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản truy tìm vật chứng; biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 13 giờ, 13 giờ 10 phút, 16 giờ 30 phút ngày 04/8/2020, 15 giờ ngày 05/8/2020 và 15 giờ 45 phút ngày 20/8/2020 (bút lục số: 77-81); sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập và sơ đồ do các bị can tự mô tả (bút lục số: 89-92); bản kết luận định giá tài sản ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ (bút lục số: 10) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 28/3/2020, tại khu vực đường đê thuộc thôn B, xã Q, huyện Q, các bị cáo Vũ Văn L và Lưu Văn V đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17K9-52XX trị giá 8.000.000 đồng của chị Lê Thị H, đem bán cho Lê Văn T. Mặc dù biết chiếc xe trên là tài sản do trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng để L và V chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi của các bị cáo Lưu Văn V, Vũ Văn L đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Lê Văn T đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

“Điều 323: Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi lợi dụng sơ hở, chiếm đoạt tài sản của bị hại vào 16 giờ 20 phút ngày 28/3/2020 mà các bị cáo Lưu Văn V, Vũ Văn L cùng nhau thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo Lê Văn T biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì háo lợi vẫn thực hiện hành vi tiêu thụ là xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Do đó cần thiết phải lên cho các bị cáo mức án nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Hành vi của Lưu Văn V, Vũ Văn L có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong đó xác định: Lưu Văn V là người khởi xướng việc phạm tội, tham gia thực hiện tội phạm với vai trò là người canh coi, cảnh giới và cùng L tiêu thụ tài sản trộm cắp, hưởng lợi ngang với L từ số tiền bán tài sản trộm cắp mà có. Vũ Văn L là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cùng V tiêu thụ tài sản trộm cắp để hưởng lợi bất chính nên Hội đồng xét xử đánh giá hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Hành vi của Lê Văn T cấu thành tội phạm độc lập nên phải chịu trách nhiệm hình sự riêng.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo Vũ Văn L, Lưu Văn V đều là đối tượng nghiện ma túy, ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Vũ Văn L còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 26/4/2020 tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã được Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử ngày 25/9/2020 tại bản án số 24/2020/HS-ST. Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật cần phải được tổng hợp hình phạt với bản án này theo Điều 56 Bộ luật Hình sự. Lưu Văn V và Vũ Văn L còn có hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 10/4, 09/6, 25/7/2020 tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hưng Hà đang điều tra, xử lý. Đây cũng là một trong các căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo V, L.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Cả ba bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; hai bị cáo V, L đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo V sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Lưu Văn V, Vũ Văn L ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục hai bị cáo nói riêng và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Lê Văn T có nhân thân tốt, có khả năng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội nên không cần thiết phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ để đạt được mục đích của hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha biển kiểm soát 17K9-52XX của chị Lê Thị H, T khai sau khi mua khoảng một tháng đã bán cho một người tên Hùng không rõ địa chỉ với giá 2.700.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được lai lịch người này nên không quản lý được chiếc xe trên. Hai bị cáo V, L đã cùng gia đình liên đới bồi thường cho chị H số tiền 5.000.000 đồng theo yêu cầu của chị H, chị H đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên cần ghi nhận.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu không rõ biển kiểm soát mà L đã sử dụng để chở V đi trộm cắp tài sản, L khai mua của một người không biết tên, địa chỉ tại khu vực ngã ba Độ, huyện Quỳnh Phụ với giá 3.000.000 đồng bằng tiền riêng của L để sử dụng và sau đó đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ vào khoảng đầu tháng 4/2020 với giá 2.000.000 đồng, không có giấy tờ nên Cơ quan điều tra không quản lý được. Do chiếc xe này là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần buộc L nộp lại số tiền 2.000.000 đồng đã bán xe để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các vật chứng gồm 01 vạm phá khóa bằng kim loại, 01 cờ lê 8 bằng kim loại thu của Vũ Văn L, 01 biển số xe 17K9-52XX, 01 xác sim điện thoại thu của Vũ Văn L là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, chứng minh tội phạm nhưng giá trị không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, thu của bị cáo Vũ Văn L cũng được xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước. Chiếc điện thoại và sim mà Lưu Văn V dùng liên lạc rủ L đi trộm cắp, Cơ quan điều tra không quản lý được.

Số tiền 700.000 đồng là tiền chênh lệch từ việc T mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha biển kiểm soát 17K9-52XX, T đã tự nguyện giao nộp lại được xác định là tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Đối với hành vi của anh Nguyễn Quang M, chị Vũ Thị Ng không có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có cơ sở.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn L, Lưu Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Văn V 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (19/8/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn L 09 (*chín*) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, buộc bị cáo Vũ Văn L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (06/8/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện

Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại là chị Lê Thị H, sinh năm 1984; trú tại thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình đã nhận đủ số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) mà hai bị cáo V, L cùng gia đình đã bồi thường. Chị H tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu của Vũ Văn L số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa bằng kim loại, 01 cờ lê 8 bằng kim loại, 01 biển số xe 17K9-52XX, 01 xác sim điện thoại.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ.

- Tịch thu số tiền 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) quản lý của Lê Văn T nộp lại để nộp ngân sách nhà nước.

(Các vật chứng trên có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 06 lập hồi 09 giờ ngày 09/10/2020 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Lưu Văn V, Vũ Văn L, Lê Văn T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/11/2020); bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQĐT, CQTHAHS, Nhà Tạm giữ (Công an huyện Quỳnh Phụ);
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phụng

